

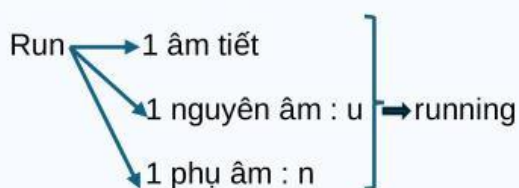
Present Continuous (Hiện tại tiếp diễn)

Cách thêm -ing làm theo từng bước 1 -> 2 -> 3 -> 4

1/ V kết thúc = 1 e -> bỏ e +ing (nếu 2 e thì + ing bình thường)

make -> making

2/ Quy tắc V1.1.1 (V động từ có : 1 âm tiết + 1 nguyên âm +1 phụ âm cuối) -> gấp đôi phụ âm cuối +ing



3/ V kết thúc = ie -> bỏ ie + ying

Lie -> lying

4/ Còn lại +ing

Bài tập

1. Add-ing :

1.1/ V kết thúc = e => Bỏ e + ing

0. take -> taking

3. ride -> _____

1. come -> _____

4. dance -> _____

2. bounce -> _____

5. have -> _____

1.2/ V1.1.1 => V có 1 âm tiết + 1 nguyên âm +1 phụ âm cuối => gấp đôi phụ âm cuối +ing

1. run -> running

4. hug -> _____

2. swim-> _____

5. get -> _____

3. jog -> _____

6. stop -> _____

1.3/ V1.1.1 => V kết thúc = ie -> bỏ ie +ing

1. lie -> lying

2. die -> _____

3. tie -> _____

1.4/ Add -ing (theo quy tắc từng bước thêm ing)

1. buy -> _____

2. cry -> _____

3. do -> _____

4. eat -> _____

5. go -> _____

6. play-> _____

7. stop-> _____

8. take -> _____

9. use -> _____

10. have -> _____

11. read -> _____

12. rain -> _____

13. study -> _____

14. plan -> _____

16. agree -> _____

17. skate -> _____

18. speak -> _____

19. sing -> _____

20. travel -> _____

21. paint -> _____

22. hug -> _____

24. wash -> _____

25. write -> _____

26. die -> _____

27. tie -> _____

28. run -> _____

29. sit -> _____

15. cut-> _____

2. Write am/ is/ are

1. I _____ skating.

2. She _____ dancing.

3. Mom and I _____ running.

4. They _____ watching
comics.

5. We _____ cooking dinner.

6. You _____ playing games.

7. Penguin and Pony _____
reading comics.

8. Bella _____ sleeping